

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HS-ST  
Ngày 07 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đỗ Thị Kim Quy

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Cam Thị Tuấn

2. Ông Trần Đức Thọ

**- Thư ký phiên toà:** Bà Đặng Thảo Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2020/TLST-HS ngày 16/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Hán Đức M**; tên gọi khác: Hán Huy M; sinh ngày 30 tháng 03 năm 1988 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Tổ 06, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hán Văn T, sinh năm 1956 và bà: Đặng Kim D, sinh năm: 1956; Vợ, con chưa có; tiền án: Có 05 tiền án:

- Tại Bản án số 22/2009/HSST ngày 14/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Tại Bản án số 116/2010/HSST ngày 27/12/2010 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Tại Bản án số 45/2013/HSST ngày 13/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 8 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Tại Bản án số 41/2014/HSST ngày 28/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 2 năm 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản do tái phạm nguy hiểm;

- Tại Bản án số 45/2014/HSST ngày 12/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang bị xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản do tái phạm nguy hiểm.

Đã chấp hành xong hình phạt ngày 05/12/2019; tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 31/01/2002, Công an thị xã T, tỉnh Tuyên Quang xử lý vi phạm hành chính về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của công dân;

- Ngày 05/10/2004, Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử lý vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản;

- Ngày 18/5/2005, Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Tuyên Quang có Quyết định 279 đưa đi trường giáo dưỡng trong thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản;

- Ngày 27/11/2012, công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đưa đi trường giáo dưỡng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Ngày 31/8/2020, công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt ngày 30/8/2020, hiện đang bị tạm giam.

Có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Xuân Đ- sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú: Xã P, huyện P tỉnh Phú Thọ

Tạm trú: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Duy H

Địa chỉ: Tổ 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 27/8/2020, Hán Đức M (sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú: Tổ 6, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang) đi bộ từ nhà nghỉ Đ thuộc tổ

14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang vào đường M, mục đích tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đi được khoảng 400 mét, thấy bên phải có một dãy nhà trọ cổng không khóa, quan sát thấy các phòng trọ đều khóa cửa, xung quanh không có người qua lại, M nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. M lấy một thanh kim loại dài khoảng 1 mét ở khu vực góc tường của dãy nhà trọ đi vào phòng trọ phía trong cùng, tay phải cầm thanh kim loại, tay trái cầm khóa cửa, cho thanh kim loại từ trên xuống vào giữa chiếc móc khóa, dùng tay phải ấn từ trên xuống dưới làm chiếc khóa cửa bật ra rồi mở cửa đi vào phòng trọ. Khi thấy chiếc tủ đựng quần áo để giữa phòng, M dùng tay phải mở cửa tủ quần áo, lấy tay trái gạt quần áo sang bên phải thì nghe thấy tiếng va chạm của kim loại bên trong chiếc quần bò màu xanh, M cho tay trái vào túi quần bên phải của chiếc quần lấy ra một chiếc nhẫn và một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng. M cho nhẫn và dây chuyền vào túi quần đang mặc, đóng cửa phòng trọ đi ra ngoài quốc lộ, gọi xe tắc xi đi lên chợ thành phố H. Đến cửa hàng vàng bạc T thuộc tổ 8, phường T, thành phố H, M bán chiếc nhẫn vừa trộm cắp được với giá 26.200.000<sup>d</sup>, còn sợi dây chuyền M đeo lên người.

Khoảng 13 giờ ngày 30/8/2020, khi M cùng Nguyễn Tiến D (trú tại: Xóm 5, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, đang ở cùng nhà nghỉ với M ) đi mua ma túy về sử dụng thì bị Công an thành phố H bắt, thu giữ 01 sợi dây chuyền đã trộm cắp được ngày 27/8/2020, một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG M mua được từ tiền bán chiếc nhẫn đã trộm cắp và 4.000.000 (Bốn triệu đồng), là tiền bán tài sản trộm cắp còn lại sau khi chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra xác định M đã trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1986; trú tại: Xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; tạm trú: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/ KL-HĐĐGTS ngày 08/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố Hg kết luận: Chiếc nhẫn vàng 5 chỉ trị giá 26.500.000<sup>d</sup>. Kết luận số 55/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố H ngày 06/10/2020 kết luận: Chiếc dây chuyền Hán Đức M trộm cắp có giá trị 18.900.000<sup>d</sup>.

Tại Bản cáo trạng số 42/CT-VKS-TPHG ngày 12/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Hán Đức M về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Hán Đức M đã thừa nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo cơ hội sửa chữa sai lầm của bản thân.

Bị hại Nguyễn Xuân Đ vắng mặt tại phiên tòa, có Đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử có hình phạt thích đáng đối với M và buộc M phải trả lại cho anh trị giá chiếc nhẫn vàng 05 (năm) chỉ với số tiền 26.500.000<sup>d</sup>.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Duy H vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hán Đức M về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Hán Đức M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo M từ 54 đến 60 tháng tù.
- Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho anh Đ số tiền 4.000.000<sup>d</sup>, trả lại cho bị cáo M 01 điện thoại SAMSUNG nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.
- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo Hán Đức M phải trả lại cho anh Nguyễn Xuân Đ trị giá 05 (năm chỉ vàng), với số tiền còn lại là 22.500.000<sup>d</sup>
- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của bị cáo đã vi phạm pháp luật, các bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan H vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy bị hại Đ và anh H đã có lời khai tại cơ quan điều tra, anh Đ yêu cầu M phải trả cho anh trị giá chiếc nhẫn vàng 05 (năm) chỉ với số tiền 26.500.000<sup>d</sup>. Yêu cầu này của anh Đ phù hợp với yêu cầu tại cơ quan điều tra, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Hán Đức M: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai người bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 27/8/2020, Hán Đức M đã có hành vi lén lút phá cửa phòng trọ của anh Nguyễn Xuân Đ - Trú tại: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang lấy 01 chiếc nhẫn vàng 05 chỉ trị giá 26.500.000<sup>d</sup>, 01 dây chuyền vàng trị giá 18.900.000<sup>d</sup>, tổng trị giá tài sản 45.400.000<sup>d</sup>. Bị cáo M đã 05 lần bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản, trong đó hai Bản án số 41/2014/HSST ngày 28/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 2 (hai) năm 9 (chín) tháng tù và Bản án số 45/2014/HSST ngày 12/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù, đã xác định là tái phạm nguy hiểm. Tính đến ngày phạm tội này, bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” do tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, gây mất trật tự ở địa phương, gây dư luận xấu trong xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức, có sức khỏe, vì muốn có tiền phục vụ nhu cầu bản thân nhưng lười lao động nên đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo có 5 tiền án cùng về tội trộm cắp tài sản, mới chấp hành xong án phạt tù ngày 05/12/2019; bị cáo còn có nhân thân đã 04 lần bị xử lý hành chính, đang nghiện ma túy, hiện bị cáo đang bị Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang khởi tố cũng về hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước, bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội. Xét nhân thân, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo thấy cần phải áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

[7] Đối với số tiền 4.000.000<sup>d</sup> cơ quan điều tra đã thu giữ của M Hội đồng xét xử tuyên trả cho bị hại Đ.

[8] Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG do bị cáo đã mua được từ số tiền bán tài sản trộm cắp, cần tuyên trả cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[9] Đối với những vật chứng còn lại không còn giá trị sử dụng, cần tiêu hủy theo quy định.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố H đã trả lại cho bị hại Đ. Còn đối với chiếc nhẫn vàng 05 (năm) chỉ, trị giá còn lại 26.500.000<sup>d</sup>, cần buộc bị cáo M phải trả lại cho anh Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Do Hội đồng xét xử đã tuyên trả lại cho anh Đ số tiền 4.000.000<sup>d</sup> đã tịch thu của M, nên bị cáo còn phải tiếp tục trả lại cho anh Đ số tiền 22.500.000<sup>d</sup>.

[11] Bị cáo còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 28/8/2020, Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt hành chính nên không đề cập.

[12] Đối với Nguyễn Tiến D- Địa chỉ: Xóm 5, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, là người cùng M đi mua ma túy, đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc nên không xem xét.

[13] Đối với Hoàng Duy H, là chủ cơ sở vàng bạc T, khi mua chiếc nhẫn vàng của M, anh H không biết đó là tài sản do M trộm cắp được nên không xem xét xử lý.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Hán Đức M phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Xử phạt: Bị cáo Hán Đức M 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 30/8/2020.

2. Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 thanh kim loại màu trắng dài 1,5 mét, hình vuông, kích thước 02x02cm, rỗng giữa; 01 ổ khóa móc treo nhãn hiệu Việt Nhật, màu vàng, phần

tai khóa bị bung bật, kích thước 03x03cm, trên mặt có vết xước kim loại dài 0,6cm;

+ Trả lại cho anh Nguyễn Xuân Đ số tiền: 4.000.000<sup>d</sup>(Bốn triệu đồng).

+ Trả lại cho bị cáo Hán Đức M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu đen, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/ 2020 giữa Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hán Đức M phải trả cho anh Nguyễn Xuân Đ số tiền: 22.500.000<sup>d</sup> (Hai hai triệu năm trăm nghìn đồng);

Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000<sup>d</sup> (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.325.000<sup>d</sup> (Một triệu ba trăm hai lăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSNDTPHG, tỉnh Hà Giang;
- Công an TPHG, tỉnh H Giang;
- CQTHA Hình sự CATP HG;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Nhà tạm giữ Công anTP HG, tỉnh HG;
- THA DS TP.
- Sở Tư Pháp.
- Lưu HS – BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Kim Quy**